

Sách Giô-ên và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số Mười Tám

Jeff Pippenger

2025-12-25

Số mười tám

Chúng ta đang xem xét giao ước của Abram và vẫn chưa đề cập đến yếu tố trong lời tiên tri của Abram có mối liên hệ trực tiếp với các câu mở đầu của sách Joel. Lời tiên tri của Abram về 400 năm nô lệ, cùng với 430 năm của Paul, tạo nên cấu trúc tiên tri tương ứng với 1290 năm trong Daniel 12:11. Lời tiên tri 1290 năm ở câu 11 là thời kỳ tiên tri omega của dòng thời gian 430 năm của Abram và Paul. Chân lý này là một yếu tố của những điều được mở án trong những ngày cuối cùng, phân biệt người khôn ngoan và kẻ gian ác.

Gắn liền với lời tiên tri Ômêga về 430 năm là biểu tượng “bốn đời”, qua đó chỉ ra một thời kỳ ân huệ dành cho quốc gia đã giam giữ dân sự được Đức Chúa Trời chọn trong ách nô lệ. Đối với Môi-se, đó là Ai Cập; còn đối với một trăm bốn mươi bốn ngàn người, những người hát bài ca của Môi-se, thì đó là lịch sử của Hoa Kỳ từ năm 1798 cho đến luật ngày Chủ nhật. Hoa Kỳ, được biểu tượng là “con thú từ đất” trong Khải Huyền mười ba, khởi đầu như một con chiên và kết thúc nói như một con rồng. Giô-sép, biểu tượng của Chiên Con, đại diện cho thời kỳ hòa bình tương đối ở Ai Cập, cho đến khi xuất hiện một Pha-ra-ôn mới và ách nô lệ bắt đầu. Vì thế, dân tộc bị phán xét vào đời thứ tư — vốn là Ai Cập đối với Môi-se — chính là Hoa Kỳ. Dân sót được phán xét tại thời điểm luật ngày Chủ nhật, như được biểu trưng bởi các tai vạ đã đạt đến đỉnh điểm đối với người Hê-bơ-rơ bằng huyết bôi trên cột cửa của họ, và sau đó là đối với dân Ai Cập tại Biển Đỏ. Giô-sép và Môi-se tượng trưng cho một Pha-ra-ôn tốt và một Pha-ra-ôn xấu; đối với Hoa Kỳ, trước hết là con chiên, rồi đến con rồng.

Lời tiên tri của Áp-ram về sự phán xét trong đời thứ tư bao hàm rằng việc đóng cửa ân điển diễn tiến dần dần, vì ngay trong sự ứng nghiệm lời tiên tri ấy qua Môi-se, không những cửa ân điển đã đóng lại cho Ai Cập, mà vẫn còn thời gian để người A-mô-rít làm cho thời kỳ ân điển của họ đầy trọn—sau khi Ai Cập đã làm đầy trọn thời kỳ ân điển của mình. Biển Đỏ đối với Ai Cập tương đương với đạo luật ngày Chủ nhật đối với Hoa Kỳ, và rồi “mọi quốc gia khác trên toàn cầu” sẽ “làm theo gương” Hoa Kỳ, như được thể hiện qua người A-mô-rít sau khi Ai Cập đóng cửa ân điển.

Trong giao ước của Áp-ram, người A-mô-rít là một trong mười dân tộc mô tả thế gian trải dài từ sông Ai Cập đến sông Ba-by-lôn; vì vậy người A-mô-rít tượng trưng cho các quốc gia trên thế giới, là những quốc gia sẽ đóng cửa ân điển riêng của họ với tư cách là quốc gia, sau khi luật Chủ nhật được ban hành tại Hoa Kỳ. Người A-mô-rít là biểu tượng Kinh Thánh về sự phán xét khép lại trên thế gian, và điều đó xảy ra trong đời thứ ba và thứ tư. Biển Đỏ là biểu tượng của sự đóng cửa ân điển đối với Hoa Kỳ, và người A-mô-rít đại diện cho các quốc gia dần dần đóng cửa ân điển của họ cho đến khi ân điển của loài người chấm dứt. Vì vậy, người A-mô-rít là biểu tượng cho giai đoạn từ khủng hoảng luật Chủ nhật tại Biển Đỏ cho đến sự giải cứu bởi gió đông, khi con đường giải cứu

được mở ra cho dân Đức Chúa Trời.

Nhưng lời tiên tri của Áp-ram không chỉ bàn về “thế hệ thứ tư” trong bối cảnh xem Hoa Kỳ là Ai Cập và thế giới là người A-mô-rít; quan trọng hơn, nó còn coi thế hệ của dân Đức Chúa Trời vượt qua Biển Đỏ là một “thế hệ thứ tư”. Khi chúng ta cố gắng khai thác hết những gì có thể từ cách hiểu về “bốn thế hệ” trong bước thứ nhất của ba bước của Áp-ram, chúng ta sẽ xem xét bước thứ hai và thứ ba của giao ước của Áp-ra-ham. Bước thứ hai là chương mười bảy, và bước thứ ba dĩ nhiên là chương hai mươi hai.

Trong sách Đa-ni-ên đoạn mười hai, ba thời kỳ tiên tri được xác định, và tất cả đều tượng trưng cho thời gian tiên tri đã chấm dứt vào năm 1844. Ba thời kỳ ấy được mở án trong những ngày sau rốt, và chúng biểu thị sự gia tăng của sự hiểu biết đến với dân sự của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt. Đấng Christ, với tư cách là người mặc áo vải gai, nêu ra thời kỳ thứ nhất trong ba thời kỳ tiên tri ấy ở câu bảy; và khi làm như vậy, Ngài liên hệ mình với thiên sứ của Khải Huyền đoạn mười, là vị không đứng trên nước, nhưng đứng trên đất và biển.

Và thiên sứ mà tôi thấy đứng trên biển và trên đất giơ tay lên trời, và thề bởi Đấng hằng sống đời đời, là Đấng đã dựng nên trời cùng mọi vật trong đó, đất cùng mọi vật trong đó, và biển cùng mọi vật trong đó, rằng sẽ không còn thì giờ nữa. Khải Huyền 10:5, 6.

Trong câu bảy của chương mười hai, người mặc áo vải lanh cũng thề bởi Đấng hằng sống.

Và tôi nghe người mặc vải lanh, đứng trên mặt nước của con sông; khi người giơ tay phải và tay trái lên trời, người thề bởi Đấng sống đời đời rằng sẽ còn một kỳ, hai kỳ và nửa kỳ; và khi người đã hoàn tất việc làm tan tác quyền lực của dân thánh, thì mọi sự ấy sẽ chấm dứt.

Đa-ni-ên 12:7.

Qua sự linh cảm, chúng ta được biết rằng cùng một dòng tiên tri nằm trong sách Đa-ni-ên được tiếp nối trong sách Khải Huyền, và cách hiểu của phong trào Miller cho rằng hai mô tả này là những đoạn song song về Đấng Christ. Đấng Christ như Thiên sứ với quyền sách nhỏ, xác định sự kết thúc của việc áp dụng thời gian tiên tri vào năm 1844 trong sách Khải Huyền; và Đấng Christ như Người mặc áo vải gai trong sách Đa-ni-ên, xác định rằng khi luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ đến, mọi sự lạ lùng của Khải tượng cuối cùng của Đa-ni-ên sẽ được hoàn tất. Trong lịch sử thánh đó, vốn đi trước và đạt đến cao điểm tại luật ngày Chủ nhật, dân Đức Chúa Trời sẽ bị tán lạc trong một thời kỳ được biểu trưng bằng con số 1260. Thời kỳ tán lạc đi trước luật ngày Chủ nhật được trình bày trong Khải Huyền chương mười một, nơi Mô-i-se và Ê-li bị giết và nằm chết giữa đường trong ba ngày rưỡi, là một biểu tượng của 1260.

Trong câu bảy, người mặc vải gai cho biết rằng khi việc làm tán lạc quyền lực của dân thánh kết thúc thời kỳ ba ngày rưỡi, thì những “điều kỳ lạ” xảy đến cho dân Đức Chúa Trời trong thời kỳ sau rốt sẽ chấm dứt. Chúng ta đã kết thúc bài viết trước bằng phần chú giải của Bà White về chương ba sách Xa-cha-ri. Câu đầu tiên nói: “Khải tượng của Xa-cha-ri về Giê-hô-suê và Thiên Sứ áp dụng một cách đặc biệt mạnh mẽ cho kinh nghiệm của dân Đức Chúa Trời trong những cảnh kết thúc của ngày đại lễ chuộc tội.” Trong chương ấy, và trong phần chú giải được linh cảm của Bà White về chương ấy, một trăm bốn mươi bốn ngàn là những “người bị người ta lấy làm điều lạ.” Những

“điều kỳ lạ” trong khái tượng cuối cùng của Đa-ni-ên, được hoàn tất bởi luật Chủ nhật, chính là những “điều kỳ lạ” gắn liền với việc đóng ấn dân của Đức Chúa Trời.

Đa-ni-ên chương mười hai cung cấp ánh sáng đóng ấn một trăm bốn mươi bốn ngàn trong những ngày sau rốt. Ánh sáng ấy được biểu trưng bởi ba thời kỳ tiên tri, tất cả đều đã được nhận diện và xác lập như lẽ thật trong lịch sử phong trào Miller. Ba thời kỳ ấy được trình bày trong ba câu và là ba trụ cột nâng đỡ cấu trúc của lẽ thật. Cấu trúc của lẽ thật được nâng đỡ bằng một tiến trình ba bước. Tiến trình ba bước ấy được thể hiện trong đoạn gồm chín câu (4-12), qua ba câu trình bày thời gian tiên tri. Ba thời kỳ tiên tri ấy, khi được tiếp cận từ sự hiểu biết nền tảng của phong trào Miller, tạo nên ba thời kỳ tượng trưng được định nghĩa phù hợp với sự hiểu biết của phong trào Miller, nhưng không áp dụng yếu tố thời gian.

Ba thời kỳ ấy nằm ngay trong chính đoạn Kinh Thánh định nghĩa ‘quá trình lời tiên tri được đóng ấn — rồi được mở ấn’, bao gồm cả mô tả kinh điển trong Kinh Thánh về một tiến trình thử luyện ba phần. Chín câu bắt đầu bằng việc Đa-ni-ên được bảo phải đóng ấn sách mình chính là những câu nêu ra ba thời kỳ ấy; và trong chín câu đó, tiến trình thanh tẩy được thực hiện khi lẽ thật được mở ấn được diễn tả là “được tinh luyện, làm trắng và thử luyện.” Ba thời kỳ trong ba câu ấy là: sự gia tăng tri thức, thời kỳ cuối cùng, và những ngày sau rốt; chúng đại diện cho tiến trình thử nghiệm và đóng ấn sau cùng của dân giao ước của Đức Chúa Trời. Lịch sử ấy là nơi những “điều lạ lùng” mang tính biểu tượng xảy đến cho dân của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt được trình bày. Xin hãy đọc lại đoạn này.

Ba thời kỳ, trong ba câu thuộc đoạn gồm chín câu, đánh dấu đỉnh điểm của sách Đa-ni-ên; và đỉnh điểm được trình bày ở đó là đỉnh điểm của tuyến tiên tri nội tại: đó là câu chuyện về cách một hòn đá được 'đọc' ra khỏi núi, không bởi tay người, cũng chính là câu chuyện về những người còn sót lại. Tuyến nội tại đó được thể hiện trong các chương mười và mười hai, và đỉnh điểm của tuyến tiên tri bên ngoài nằm ở những câu kết của chương mười một, cùng vài câu đầu của chương mười hai sách Đa-ni-ên.

Ba thời kỳ ấy cũng là đỉnh điểm của các khái tượng trong lời chứng về cả sông Uлай lẫn sông Hiddekel, và ba câu ấy bao gồm một kỳ hạn tiên tri tượng trưng cho sự ứng nghiệm đỉnh điểm của lời tiên tri về thời kỳ của giao ước, lời vốn đưa cả Áp-ram và Phao-lô làm chứng. Đức Chúa Jê-sus, với tư cách là Người mặc vải gai mịn, ở câu bảy, đi trên mặt nước. Trong câu mười một, có hai tiếng nói—cũng chính là tiếng của Đấng Christ; Áp-ram và Phao-lô đứng ra làm chứng. Trong câu mười hai, lịch sử sự đóng ấn trên dân Đức Chúa Trời được trình bày, vì một trăm bốn mươi bốn ngàn là những trinh nữ, và các trinh nữ trải nghiệm dụ ngôn về mười trinh nữ, và phước lành trong câu mười hai ở trên những người chờ đợi. Những người chờ đợi trong dụ ngôn, và được “phước”, là những người nhận lấy y phục cho phép họ vào dự tiệc cưới, khi cửa đã đóng.

Trong câu bảy, Chúa Giê-su đang đi trên mặt nước, điều ấy gây sợ hãi; nhưng Phi-e-rơ quyết định tin và bắt đầu bước đi, tôn vinh Đức Chúa Trời; song Phi-e-rơ thường là biểu tượng cho cả hai nhóm, và vinh hiển lại hóa thành sợ hãi khi giờ phán xét của ông đến. Dấu chấm thứ nhất nằm trong câu bảy tượng trưng cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Chúa Giê-su ở trên mặt nước, một biểu tượng của sự sợ hãi và của thiên sứ thứ nhất. Rồi Chúa Giê-su xác định một dấu chấm nơi

Ngài sẽ tôn vinh dân Ngài trước cuộc phán xét của luật ngày Chủ nhật. Cả ba yếu tố của ba thiên sứ đều ở trong câu bảy, vì câu bảy là câu thứ nhất trong ba câu đại diện cho ba thiên sứ.

Câu mười một đưa ra một “sự nhân đôi” với lời chứng omega của nó đối với các tiếng nói alpha của Abram và Paul. Những tiếng nói “được nhân đôi” của họ hòa lại để trình bày lời tiên tri về thời kỳ giao ước, và câu mười một ứng nghiệm lời tiên tri với tư cách là omega bằng cách xác định thời kỳ tiên tri kết thúc với sự sụp đổ của Babylon vào năm 1798, và qua đó tiêu biểu cho sự sụp đổ của Babylon khi Michael đứng lên trong những ngày sau rốt. Trong câu mười một chúng ta có sự nhân đôi các tiên tri, và một thời kỳ tượng trưng cho hai lần Babylon sụp đổ, qua đó đại diện cho sự điệp của thiên sứ thứ hai đã công bố rằng, “Babylon đã sụp đổ, đã sụp đổ.”

Câu bảy là sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, và câu mười một là sứ điệp của thiên sứ thứ hai, còn câu mười hai — tức Daniel 12*12 hay Daniel 144 — nói về sự phân biệt giữa người khôn và kẻ dại, điều này được thực hiện trong tiến trình phán xét kết thúc bằng sự bộc lộ tính cách vào lúc khủng hoảng của sự phán xét. Câu mười hai là sứ điệp của thiên sứ thứ ba, xác định cách thế giới được chia thành hai hạng người; và đối ứng với sự mô tả bên ngoài về chính sự phân chia ấy của thiên sứ thứ ba là sự phân chia bên trong của thiên sứ thứ ba, được thể hiện ở câu mười hai. Câu bảy, mười một và mười hai là sứ điệp của ba thiên sứ, và các câu này là ánh sáng được mở ẩn trong những ngày sau rốt. Việc ba câu này được mở ẩn trong những ngày sau rốt phù hợp với Khải Huyền chương mười.

Đấng Christ, với tư cách là vị thiên sứ mạnh mẽ, cũng như là Sư Tử của chi phái Giu-đa trong chương mười, đã kêu lớn như “sư tử” và tiếng gầm của Ngài đã tạo nên bảy tiếng sấm, những tiếng ấy đã bị niêm phong, như trong sách Đa-ni-ên chương mười. Đó là những đoạn văn song song. Vì lý do này, ba thời kỳ trong chương mười hai cũng chính là bảy tiếng sấm của Khải Huyền chương mười.

"Bảy tiếng sấm" đơn giản chỉ là một cách diễn đạt khác về Đấng Christ với tư cách là Anpha và Ômêga, vì biểu tượng chủ đạo của "bảy tiếng sấm" là nó đại diện cho một "sự phác họa các sự kiện" đã diễn ra từ năm 1798 đến 1844, được lặp lại trong "những biến cố tương lai" sẽ "được bày tỏ theo thứ tự của chúng" trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn. "Bảy tiếng sấm" vì thế là một biểu tượng của Anpha và Ômêga; cũng là khởi đầu và kết thúc; đầu tiên và cuối cùng, nền móng và đền thờ; đá góc và đá chóp - bảy tiếng sấm.

Ánh sáng của ba kỳ tượng trưng trong Đa-ni-ên đoạn mười hai phải phù hợp với ánh sáng của bảy tiếng sấm, vì chúng là cùng một dòng tiên tri giống hệt nhau. Trong kỳ thứ nhất, Đấng Christ giơ cả hai tay lên trời, như Ngài làm với một tay trong Khải Huyền đoạn mười. Trong Khải Huyền đoạn mười, bàn tay Ngài trở thành biểu tượng cho sự chấm dứt việc áp dụng thời gian tiên tri, đánh dấu sự chuyển đổi từ các kỳ hạn thời gian tiên tri sang chỉ còn các kỳ tiên tri. Sự chuyển đổi ấy, liên quan đến quy tắc tiên tri chủ chốt mà những người theo Miller sử dụng, đã được tiêu biểu bởi sự chuyển đổi lớn từ nghĩa đen sang nghĩa thuộc linh trong thời của Đấng Christ.

Sứ đồ Phao-lô đã được dấy lên để thiết lập quy luật tiên tri trọng yếu liên hệ với dòng dõi tiên tri của một dân được chọn. Ngay từ buổi đầu của Y-sơ-ra-ên thuộc linh, một quy luật tiên tri trọng yếu được xác lập, tái định nghĩa chính giao ước ấy. Từ đó trở đi, để là con cháu Áp-ra-ham, là con cháu

Áp-ra-ham bởi đức tin, chứ không bởi huyết thống. Nguyên tắc tiên tri ấy được xác lập chủ yếu qua ngòi bút của Phao-lô, người mà, về phương diện này, đã tiêu biểu cho Đấng Christ trong Khải Huyền chương mười, khi thay đổi và chấm dứt việc áp dụng thời gian tiên tri vào năm 1844.

Giao ước với nhân loại được biểu trưng bởi cầu vồng, và tàu Nô-ê tượng trưng cho một giai đoạn thời gian, trước và sau trận lụt, khi chưa có một dân được chọn được nhận diện rõ ràng. Việc kêu gọi Áp-ra-ham đánh dấu một thay đổi lớn và quan trọng trong mối liên hệ mang tính tiên tri giữa Đức Chúa Trời và loài người. Giao ước được lập với Áp-ra-ham cho thấy một bước chuyển lớn trong dòng lịch sử các giao ước, và qua đó nó tiêu biểu cho cuộc chuyển dịch lớn từ nghĩa đen sang nghĩa thuộc linh vào thời Phao-lô, và từ việc áp dụng thời gian sang không áp dụng thời gian vào năm 1844.

Sự chuyển đổi đầu tiên trong giao ước của Đức Chúa Trời với loài người là Vườn, và sự thay đổi rõ rệt là những hạn chế áp đặt lên cây sự sống; nó cũng tạo ra một sự thay đổi về y phục, từ ánh sáng thuộc linh sang da chiên thật. Sự chuyển đổi lớn tiếp theo trong lịch sử giao ước là trận lụt, mà Noah đại diện, cũng như Adam đã làm trong lần chuyển đổi giao ước lớn đầu tiên. Rồi đến sự chuyển đổi sang một dân tộc được chọn với Abram, dẫn đến Moses, người đưa ra nguyên tắc tiên tri rằng một ngày tượng trưng cho một năm. Nguyên tắc đó có hiệu lực cho đến năm 1844, khi có một lần chuyển đổi giao ước lớn khác. Trong các thời kỳ trọng đại của lịch sử giao ước, luôn có một sự thay đổi lớn trong một nguyên tắc của Lời tiên tri của Đức Chúa Trời. Sự chuyển đổi đó trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn là việc Alpha Omega là sự thật. Alpha và Omega là nguyên tắc rằng phần kết luôn được minh họa bằng phần khởi đầu trong Lời của Đức Chúa Trời. Gắn liền với nguyên tắc Alpha và Omega đó là cấu trúc ba phần của từ tiếng Hê-bơ-ơ "sự thật".

Sự chuyển dịch tiên tri lớn trong lịch sử của dân sót lại được đại diện trực tiếp trong từng lịch sử giao ước lớn, và cũng vậy trong các dòng lễ thật khác. "Chìa khóa" được đặt trên Ê-li-a-kim trong Ê-sai 22:22 là cùng một chìa khóa được trao cho Phi-e-rơ tại Panium trong Ma-thi-ơ đoạn mười sáu. Chìa khóa đó được trao cho Hội thánh Phi-la-đen-phi, và chính William Miller là người đã được ban cho chìa khóa cho phép ông kết nối với nguyên tắc một ngày bằng một năm vốn đã được Môi-se ghi chép trong lịch sử của Môi-se, điều này làm hình bóng cho lịch sử của những người Millerite. Sự kết nối của Miller với lời tiên tri của Môi-se được đại diện bởi sự kết nối của Phao-lô với lời tiên tri của Áp-ram. Và tại sao Miller lại không thể kết nối với Môi-se, khi sự cứu rỗi của Môi-se trong một chiếc thuyền đã được nối kết với sự cứu rỗi của Nô-ê trong một con tàu, để liên kết cả hai giao ước lại với nhau. Những sự chuyển đổi trong ứng dụng tiên tri bắt đầu từ Ê-đen cho thấy rằng có một sự mặc khải lớn của ánh sáng tiên tri trong lịch sử của dân giao ước sau cùng, tức một trăm bốn mươi bốn nghìn. Tôi cho rằng sự chuyển dịch tiên tri lớn ấy được đại diện bởi bảy tiếng sấm, vốn liên hệ trực tiếp với ba thời kỳ trong Đa-ni-ên đoạn mười hai, và những điều này chỉ được nhận ra khi áp dụng các nguyên tắc Alpha và Ômêga trên phương pháp dòng trên dòng dựa trên cấu trúc lễ thật ba bước.

Trong các câu ngay trước lời tuyên bố rằng "không còn thời gian nữa," Đấng Christ đã đưa ra bảy tiếng sấm, và những điều ấy—cũng như các lễ thật của Đa-ni-ên chương mười hai—đã được đóng ấn. Bối cảnh cho người mặc vải gai giơ cả hai tay lên trong chương mười hai là việc mở ấn sách của Đa-ni-ên, và bối cảnh cho Đấng Christ là Sư Tử trong Khải Huyền chương mười là việc đóng

ấn bảy tiếng sấm. Bà White đặt việc đóng ấn bảy tiếng sấm song song với việc đóng ấn sách của Đa-ni-ên.

Sau khi bảy tiếng sấm này đã cất tiếng, một mệnh lệnh được ban cho Giăng, giống như đã từng được ban cho Đa-ni-ên, liên quan đến quyển sách nhỏ: “Hãy niêm phong những điều mà bảy tiếng sấm đã phán ra.” Những điều này liên quan đến các sự kiện tương lai sẽ được bày tỏ theo trình tự của chúng. The Seventh-day Adventist Bible Commentary, tập 7, trang 971.

Bảy tiếng sấm được xác định bởi Khải Huyền 10 và Thần Linh của Lời Tiên tri, cũng như bởi lịch sử của những người theo Miller từ năm 1840 đến 1844; và lịch sử ấy được lặp lại trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn ngàn. Trong cùng đoạn đó có nói: “Ánh sáng đặc biệt ban cho Giăng, được bày tỏ trong bảy tiếng sấm, là một sự phác họa về những sự kiện sẽ xảy ra dưới sự điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai. Không phải là điều tốt nhất để dân sự biết những điều này, vì đức tin của họ nhất thiết phải được thử nghiệm. Theo trật tự của Đức Chúa Trời, những lẽ thật kỳ diệu và tiến bộ nhất sẽ được công bố.” Những người theo Miller không hiểu rằng họ sẽ phải đối diện với hai lần thất vọng, vì sự thiếu hiểu biết của họ đã được sắp đặt nhằm thử luyện họ. Những người theo Miller không ngờ đến bất kỳ “lẽ thật tiến bộ” nào; nghĩa là, họ không trông đợi bất cứ “bước ngoặt tiên tri lớn” nào trong lịch sử giao ước.

Mặc dù “không phải là điều tốt nhất cho” người Millerite “biết những điều này,” một trăm bốn mươi bốn ngàn được thử thách bằng cùng một lịch sử, nhưng không phải vì vô tình hiểu sai lịch sử, mà vì không hiểu một lịch sử mà bạn buộc phải biết. Đó là cùng một thử thách, chỉ là đảo ngược. Giăng trong Khải Huyền đoạn mười, trước hết và trên hết đại diện cho một trăm bốn mươi bốn ngàn, và chỉ thứ yếu mới đại diện cho phong trào Millerite của thiên sứ thứ nhất và thứ hai. Điều này được nhận ra khi bạn thấy Giăng được cho biết trước rằng khi ông ăn cuốn sách nhỏ thì nó sẽ ngọt rồi đắng. Không phải là điều tốt nhất cho những người Millerite biết điều đó có nghĩa gì, nhưng Giăng đại diện cho một dân biết trước điều gì xảy ra khi những người Millerite ăn cuốn sách nhỏ.

Tôi đến với thiên sứ và nói với ông: Hãy đưa cho tôi quyển sách nhỏ. Ông nói với tôi: Hãy lấy nó và ăn hết đi; nó sẽ làm bụng người đắng, nhưng trong miệng người sẽ ngọt như mật ong. Tôi bèn lấy quyển sách nhỏ từ tay thiên sứ và ăn hết; và trong miệng tôi nó ngọt như mật ong; nhưng vừa ăn xong, bụng tôi trở nên đắng. Khải Huyền 10:9, 10.

Giăng được báo trước về kinh nghiệm đắng ngọt từ năm 1840 đến 1844, tức lịch sử được trình bày trong chương mười. Kinh nghiệm ấy, được mô tả rất rõ trong các câu chín và mười, cũng được xác định rõ ràng trong các câu hai đến bốn.

Trong tay người ấy có một quyển sách nhỏ đã mở; người đặt chân phải trên biển, chân trái trên đất, rồi kêu lớn tiếng như sấm từ gầm; và khi người kêu, bảy tiếng sấm cất tiếng. Khi bảy tiếng sấm đã cất tiếng, tôi toan viết; thì tôi nghe một tiếng từ trời phán với tôi: Hãy niêm phong những điều mà bảy tiếng sấm đã nói, đừng ghi chép lại. Khải Huyền 10:2-4.

“Bảy tiếng sấm” đại diện cho “một sự trình bày về các biến cố” sẽ diễn ra dưới thiên sứ thứ nhất và thiên sứ thứ hai, và cũng là “những biến cố tương lai sẽ được bày tỏ theo thứ tự của chúng.” “Bảy tiếng sấm” biểu thị lẽ thật rằng lịch sử của những người theo Miller được lặp lại trong lịch sử của

một trăm bốn mươi bốn nghìn, và những lễ thật đã được mở ấn vào thời kỳ cuối cùng vào năm 1798 và về sau, biểu thị một sự mở ấn lễ thật trong những ngày sau rốt của dân Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su trong Khải Huyền mười tương ứng với Chúa Giê-su trong Đa-ni-ên mười hai. Trong cả hai đoạn, việc niêm phong và mở ấn lễ thật thử thách trong những ngày sau rốt được trình bày.

Có người có thể cho rằng Chúa Giê-su phán trong câu bảy, còn thiên sứ Gáp-ri-ên phán với Đa-ni-ên trong các câu mười một và mười hai; tuy nhiên cũng có thể hiểu rằng Chúa Giê-su phán trong cả ba câu. Dù theo quan điểm nào đi nữa, chính tiếng của Đấng Christ phán qua Đa-ni-ên, và ba thời kỳ tiên tri trong chương mười hai là những lời của Đấng Christ; Ngài trình bày ba thời kỳ ấy trong khuôn khổ của lễ thật. Cả ba thời kỳ đều được niêm phong, khiến chúng trở thành một biểu tượng ba phần.

Câu bảy đề cập đến sự hoàn tất của những điều lạ lùng, xác định công việc cuối cùng của Đấng Christ trong Nơi Chí Thánh là Ngài xóa sạch tội lỗi của một trăm bốn mươi bốn nghìn và đóng ấn cho họ. Câu đầu xác định các "điều lạ lùng", và câu cuối trong ba câu cũng xác định các "điều lạ lùng" là những người được phước vì chờ đợi và trải qua sự thất vọng đầu tiên. Thời kỳ ở giữa nêu rõ sự phản nghịch của loài người trong cuộc khủng hoảng luật Chủ nhật, đồng thời chỉ ra thời kỳ dẫn đến luật Chủ nhật như một giai đoạn chuẩn bị cho một trăm bốn mươi bốn nghìn. Tất cả các câu đều trực tiếp xác định "điều gì sẽ xảy đến" cho dân của Đa-ni-ên "trong những ngày sau rốt." Cả ba câu đều nói về chủ đề sự thanh tẩy của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Thời kỳ thứ nhất tương ứng với thời kỳ thứ ba, và thời kỳ ở giữa đại diện cho sự phản nghịch của cả thế giới khi họ hành quân tới A-ma-ghe-đôn.

Nếu ba thời kỳ đó cũng chính là bảy tiếng sấm, thì ba câu ấy hẳn phải xác định "những sự kiện tương lai, sẽ được [tiết lộ] theo thứ tự của chúng," và những "sự kiện tương lai" đó sẽ tương ứng với "sự phác thảo các sự kiện đã diễn ra dưới thời thiên sứ thứ nhất và thiên sứ thứ hai" từ năm 1840 đến năm 1844. Có một số lễ thật mà phong trào này đã chấp nhận vốn khác biệt rõ rệt so với sự hiểu biết của các nhà tiên phong, nhưng tất cả các lễ thật ấy lại phù hợp với sự hiểu biết của các nhà tiên phong. Đã có một sự chuyển dịch tiên tri lớn từ thời những người Millerite cho đến nay. Nguyên tắc "một ngày bằng một năm" là ví dụ kinh điển, nhưng còn những điều khác. Một ví dụ về sự chuyển dịch tiên tri lớn được thể hiện liên quan đến bảy tiếng sấm.

Sau khi Giảng được bảo trong câu cuối của chương mười rằng ông phải còn nói tiên tri nữa, qua đó nhấn mạnh rằng lịch sử của chương mười đại diện cho cả phong trào của những người theo Miller và một trăm bốn mươi bốn nghìn người, ông được trao một cây gậy để đo đền thờ, nhưng được dặn phải bỏ qua sân ngoài.

Và có ban cho tôi một cây sậy như cây gậy; thiên sứ đứng đó và phán: Hãy đứng dậy, đo đền thờ của Đức Chúa Trời, cùng bàn thờ, và những kẻ thờ phượng trong đó. Nhưng sân ở ngoài đền thờ thì hãy bỏ qua, đừng đo; vì đã giao cho dân ngoại; và thành thánh sẽ bị họ giày đạp trong bốn mươi hai tháng. Khải Huyền 11:1, 2.

Khi đo đền thờ sau năm 1844, Giảng được bảo bỏ qua dân Ngoại, là những người được biểu trưng là sân ngoài. Hình ảnh này vào năm 1844 cho thấy rằng Đức Chúa Trời vừa chọn một tân nương của giao ước mới, và rồi có sự phân biệt giữa tân nương của Ngài và sân ngoài. Bà White nói rõ

rằng sân ngoài tượng trưng cho dân Ngoại còn đền thờ là dân được Đức Chúa Trời chọn; chỉ cần đọc chương "Sân Ngoài" trong sách The Desire of Ages.

John đang mô tả phái Millerite, những người vừa trở thành dân được Đức Chúa Trời tuyển chọn vào năm 1844. Một sự phân biệt đã được đặt ra giữa phái Millerite, những người vừa trải nghiệm sứ điệp vừa đắng vừa ngọt, và phần còn lại của thế giới Cơ Đốc giáo tự xưng, được biểu trưng như dân ngoại.

Nền móng được đặt từ năm 1840 cho đến sự thất vọng đầu tiên, và đền thờ được hoàn tất trong thời kỳ rao giảng Tiếng Kêu Nửa Đêm. Rồi đến Đại Thất Vọng, và Giảng được bảo hãy đứng dậy và đo, nhưng bỏ qua dân ngoại. Giảng đang minh họa sự mở đầu của cuộc phán xét, và vì lý do này, sự linh hứng áp dụng việc Giảng đo lường trong các câu ấy như biểu tượng của cuộc phán xét điều tra. Những gì chúng ta vừa trình bày về Giảng như một biểu tượng của việc đo lường phù hợp với cách hiểu điển hình của người Cơ Đốc Phục Lâm, nhưng trong phong trào này đã có một sự thay đổi lớn trong cách hiểu về biểu tượng ấy.

Phù hợp với cách hiểu của phong trào Millerite, chúng tôi nhận ra rằng trong lịch sử của phong trào Millerite, như được Giảng mô tả trong chương mười, cũng có một lời tiên tri về một phong trào song song sẽ trở thành một trăm bốn mươi bốn nghìn. Chúng tôi nhận ra rằng nếu lấy các phép đo của lịch sử phong trào Millerite và bỏ qua thời kỳ của dân ngoại, thì có thể thấy chính đền thờ mà Giảng đang đo.

Chúng tôi nhận thấy một lời tiên tri về thời kỳ 2520 năm kết thúc vào năm 1798 và lời còn lại kết thúc vào năm 1844, qua đó cho thấy một giai đoạn 46 năm trong đó Đấng Christ đã xây dựng đền thờ Millerite. Giảng xem sân ngoài là của Dân Ngoại, và có một "thời kỳ của Dân Ngoại" mang tính tiên tri.

Họ sẽ ngã gục dưới lưỡi gươm, bị bắt đi làm phu tù giữa mọi dân tộc; và Giê-ru-sa-lem sẽ bị dân ngoại giày đạp cho đến khi thời kỳ của dân ngoại được hoàn tất. Lu-ca 21:24.

Chữ "times" trong cụm "times of the Gentiles" ở dạng số nhiều, và biểu thị hai thời kỳ khi cả Israel theo nghĩa đen lẫn Israel thuộc linh bị giày xéo. Lần giày xéo sau cùng trong hai lần — lần của ngoại giáo rồi đến quyền giáo hoàng — đã kết thúc vào năm 1798. Bất chấp những gì người ta có thể khẳng định, "thời kỳ của Dân Ngoại" đã chấm dứt vào năm 1798, với sự xuất hiện của thiên sứ thứ nhất. Giảng phải bắt đầu đo vào năm 1798, chứ không trước đó. Ông được đặt vào bối cảnh lịch sử năm 1844, nên bỏ qua giai đoạn kết thúc năm 1798 tức là bỏ qua sân ngoài; và khi làm như vậy, điều đó cho thấy bốn mươi sáu năm khi đền thờ của phong trào Millerite được dựng lên bởi Sứ giả của Giao ước. Nhiều chân lý liên hệ được rút ra từ cách áp dụng này, nhưng tôi chỉ dùng điều đó như một ví dụ về ánh sáng khác với sự hiểu biết của các vị tiên phong; tuy nhiên, đó là ánh sáng không mâu thuẫn với các chân lý ban đầu, mà không còn áp dụng yếu tố thời gian nữa.

Sự thật cụ thể ấy đã được nhận biết trước 11/9, nhưng chỉ thực sự được củng cố sâu sắc sau 11/9. Sự thật về việc John đo đền thờ không thể tách rời khỏi bảy tiếng sấm, vì đó là cùng một đoạn văn. Có một sự thật về việc áp dụng bảy tiếng sấm đã bị đóng kín cho đến thời kỳ khi những "điều kỳ diệu" của Daniel chương mười hai được hoàn tất. Việc áp dụng "bảy tiếng sấm" được mở ra sau

tháng 7 năm 2023 hoàn toàn phù hợp, hay nói đúng hơn, nó bổ sung một cách sâu sắc cho ba câu trong Daniel chương mười hai.

Bà White dùng từ “complement”, chứ không phải “compliment”, để mô tả mối quan hệ giữa hai sách Đa-ni-ên và Khải Huyền. “Complement”, nghĩa là “làm cho trở nên trọn vẹn”, chính là điều mà hai sách tiên tri ấy làm cho nhau. Bảy tiếng sấm, khi được mở án trong Đa-ni-ên chương 12 sau tháng 7 năm 2023, khiến thông điệp ở đó trở nên trọn vẹn. Điều mở ra bảy tiếng sấm là nguyên tắc Alpha và Ômêga kết hợp với cấu trúc của lễ thật.

"Thời kỳ" của dân ngoại đã được ứng nghiệm vào năm 1798, và đại diện cho hai thời kỳ 1260 năm khi chủ nghĩa ngoại giáo rồi đến chế độ giáo hoàng giày xéo đền thánh và đạo binh. Khi đo đền thờ, chúng ta phải bỏ phần sân ngoài, và sân ngoài kéo dài đến năm 1798, nhưng sau năm 1844, thời gian không còn nữa. Ngày nay, 1260 năm đơn giản chỉ đại diện cho một khoảng thời gian xác định sự khác biệt giữa đền thờ và sân ngoài. Vì lý do này, từ ngày 18 tháng 7 năm 2020 đến tháng 7 năm 2023, sự giày xéo đã được hoàn tất. Việc đo đền thờ ngày nay, kết hợp với bảy tiếng sấm tượng trưng cho sự phác họa các sự kiện đã diễn ra dưới các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, là công việc được giao cho Giăng. "Công việc lớn của chúng ta" là "kết hợp" các sứ điệp của ba thiên sứ, qua đó xác định một công tác tiên tri chưa từng được thực hiện trong lịch sử giao ước trước đây, và ngay cả hiện nay cũng rất hiếm khi được thực hiện. Khi chúng ta bỏ phần sân ngoài tượng trưng cho thời kỳ của dân ngoại, là chúng ta bỏ đi 1260 năm bách hại của chế độ giáo hoàng đã kết thúc vào thời kỳ tận cùng năm 1798.

Ngôi đền đã được dựng nên trong suốt bốn mươi sáu năm trong lịch sử Millerite chỉ ra một ngôi đền được dựng nên từ tháng 7 năm 2023 cho đến ngay trước luật ngày Chủ nhật. Lịch sử đó là giai đoạn của bảy tiếng sấm “những sự kiện tương lai”, mà “sẽ được”, chứ không phải có thể, “được bày tỏ theo thứ tự của chúng”.

Khi chúng ta kết hợp lịch sử của thiên sứ thứ nhất với lịch sử của thiên sứ thứ hai, chúng ta thấy lịch sử bắt đầu với một sự thất vọng alpha và kết thúc với một sự thất vọng omega. Khi chúng ta xếp các cột mốc tiên tri trong lịch sử của thiên sứ thứ nhất từ năm 1840 cho đến ngày 19 tháng 4 năm 1844, song song với các cột mốc của thiên sứ thứ hai, người đã đến vào lúc đó và tiếp diễn cho đến khi thiên sứ thứ ba đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, thì chúng ta có hai giai đoạn đều bắt đầu và kết thúc bằng sự xuất hiện của một thiên sứ. Lịch sử từ thiên sứ thứ nhất đến thứ hai minh họa cho lịch sử từ thứ hai đến thứ ba.

Một lời chứng tiên tri rằng đây là một sự áp dụng đúng đắn được tìm thấy trong alpha và omega của sự áp dụng này. Hai đường thẳng song song được đặt song hành với nhau, và phần khởi đầu lẫn phần kết thúc của cả hai đường chỉ ra sự xuất hiện của một thiên sứ. Rồi khi chúng được kết hợp, dòng nọ chồng lên dòng kia thành một đường duy nhất, phần đầu đánh dấu nỗi thất vọng đầu tiên và phần cuối đánh dấu nỗi thất vọng lớn. Một bằng chứng nữa được tìm thấy trong các nguyên tắc của alpha và omega, vốn cho rằng phần kết thúc lớn hơn phần khởi đầu. Một nỗi thất vọng alpha kết thúc bằng nỗi thất vọng omega lớn cho thấy khía cạnh nhỏ hơn và lớn hơn của alpha và omega.

Khi chúng ta bắt đầu từ ngày 19 tháng 4 năm 1844 (sự đến của thiên sứ thứ hai dẫn đến sự đến của thiên sứ thứ ba vào ngày 22 tháng 10 năm 1844); và rồi cũng bắt đầu dòng thứ hai vào ngày 11

tháng 8 năm 1840, dòng này kết thúc vào ngày 19 tháng 4 năm 1844, chúng ta nhận thấy sự thất vọng của ngày 19 tháng 4 năm 1844 vừa là đầu vừa là cuối của dòng tiên tri được hình thành bằng cách kết hợp các dòng tiên tri của thiên sứ thứ nhất và thứ hai.

Vào cuối thời kỳ, thiên sứ thứ ba đến cùng với thiên sứ thứ hai, qua đó biểu trưng cho sự kiện 11/9 và hai tiếng nói của thiên sứ quyền năng trong Khải Huyền chương mười tám. Hai tiếng nói ấy chính là sứ điệp của thiên sứ thứ hai và thứ ba, và hai thiên sứ ấy đã gặp nhau vào ngày 22 tháng 10 năm 1844; họ lại gặp nhau khi hai lịch sử được đặt chồng lên nhau, dòng trên dòng. Được kết hợp theo cách này, chúng trình bày lịch sử từ sự thất vọng thứ nhất đến Sự Thất Vọng Lớn, và mốc ở giữa của lịch sử đó, vào thời của những người Millerite, là hội trại Exeter, nơi hai hạng người thờ phượng được bày tỏ, đại diện cho sự phân loạn của các trình nữ đại trong dụ ngôn, và từ đó xác định mốc ở giữa là sự phân loạn.

Bảy tiếng sấm tượng trưng cho lịch sử của sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, được kết hợp theo nguyên tắc dòng này trên dòng kia, qua đó xác định một giai đoạn lịch sử từ nỗi thất vọng thứ nhất đến nỗi thất vọng lớn trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Sự hiểu biết về điều mà lịch sử ấy biểu thị theo phương diện tiên tri trùng khớp hoàn toàn với sứ điệp được trình bày trong Đa-ni-ên đoạn mười hai là được niêm phong cho đến thời kỳ cuối cùng.

Chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo, nhưng tôi sẽ chỉ giữ lại phần trong Khải tượng cuối cùng của Daniel mà chỉ đề cập đến cách Daniel minh họa dân sự của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt. Lưu ý, theo bối cảnh của quy tắc nhắc đến lần đầu, rằng ở câu một Daniel thuộc về một nhóm người hiểu Khải tượng. Điều đầu tiên được nhắc đến trong Khải tượng là một minh họa về Daniel như người khôn ngoan hiểu biết, và chín câu cuối đều nói về những người khôn ngoan hiểu biết vào ngày thứ hai mươi hai.

Năm thứ ba đời Cyrus, vua Ba Tư, một điều đã được tỏ ra cho Daniel, người được gọi là Belteshazzar; điều ấy là chân thật, nhưng thời kỳ đã định thì lâu dài; và ông hiểu điều ấy và hiểu Khải tượng.

Trong những ngày ấy, tôi, Đa-ni-ên, than khóc suốt ba tuần trọn. Tôi không ăn bánh ngon, thịt và rượu cũng chẳng vào miệng, tôi cũng không xúc dầu chút nào, cho đến khi đủ trọn ba tuần lễ. Đến ngày hai mươi bốn của tháng thứ nhất, khi tôi đang ở bên bờ con sông lớn, tức là Hiddekel; bấy giờ tôi ngược mắt lên nhìn, và kìa

một người mặc áo vải lanh, hông thắt đai bằng vàng ròng của Uphaz; thân thể người giống như bích ngọc, khuôn mặt như ánh chớp, mắt như đèn lửa, cánh tay và chân có màu như đồng đánh bóng, và tiếng nói của người như tiếng của một đám đông.

Chỉ mình tôi, Đa-ni-ên, thấy Khải tượng; còn những người ở với tôi thì không thấy Khải tượng, nhưng một cơn run rẩy lớn ập đến trên họ, đến nỗi họ chạy trốn để ẩn mình. Vì vậy, tôi còn lại một mình và thấy Khải tượng lớn ấy; sức lực trong tôi đều tiêu tan, vẻ tươi đẹp của tôi hóa thành hư nát trong tôi, và tôi chẳng còn chút sức nào.

Tuy vậy, tôi vẫn nghe tiếng lời của người ấy; và khi tôi nghe tiếng lời của người ấy, bấy giờ tôi chìm vào giấc ngủ sâu, sấp mặt, mặt hướng xuống đất. Và kìa, có một bàn tay chạm vào tôi, đỡ

tôi dậy để tôi quỳ gối và chống hai lòng bàn tay. Và người ấy nói với tôi,

Hỡi Daniel, người rất được yêu quý, hãy hiểu lời ta nói với ngươi, và hãy đứng thẳng dậy; vì nay ta được sai đến cùng ngươi.

Và khi người ấy đã nói lời này với tôi, tôi đứng run rẩy. Rồi người ấy nói với tôi,

Đừng sợ, Đa-ni-ên; vì từ ngày đầu tiên ngươi để lòng tìm hiểu và tự hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời của ngươi, lời ngươi đã được nghe, và vì lời ngươi mà ta đến. Nhưng vị thủ lãnh của vương quốc Ba Tư đã ngăn trở ta suốt hai mươi một ngày; song kia, Mi-ca-ên, một trong các thủ lãnh bậc đầu, đã đến giúp ta; và ta đã ở lại đó với các vua Ba Tư.

Nay ta đã đến để khiến ngươi hiểu điều sẽ xảy đến cho dân ngươi trong những ngày sau rốt; vì khải tượng ấy còn chỉ về những ngày còn xa.

Và khi người đã nói những lời ấy với tôi, tôi cúi mặt xuống đất và trở nên câm lặng. Kia, có một đấng giống như hình dạng con cái loài người chạm vào môi tôi; bấy giờ tôi mở miệng, nói, và thưa với đấng đứng trước mặt tôi,

Lạy chúa tôi, vì khải tượng ấy mà nỗi sầu não đã đổ xuống trên tôi, và tôi không còn chút sức lực nào. Vì làm sao tôi tớ của chúa tôi có thể nói chuyện với chúa tôi được?

Còn tôi thì lập tức không còn chút sức lực nào; hơi thở cũng chẳng còn trong tôi. Bấy giờ lại có một người có dáng như con người đến, chạm vào tôi, khiến tôi mạnh mẽ, và nói,

Hỡi người rất được yêu dấu, đừng sợ: bình an ở cùng ngươi; hãy mạnh mẽ, phải, hãy mạnh mẽ. Khi ngài đã nói cùng ta, ta được thêm sức, và thưa rằng: Xin chúa tôi cứ nói; vì ngài đã thêm sức cho tôi. ...

Còn ngươi, hỡi Đa-ni-ên, hãy đóng lại những lời này và niêm phong quyển sách cho đến thời kỳ cuối cùng; nhiều người sẽ chạy qua chạy lại, và sự hiểu biết sẽ gia tăng.

Bấy giờ tôi, Daniel, nhìn xem, và kia, có hai người khác đứng đó: một người ở bên bờ sông này, còn người kia ở bên bờ sông kia. Một người nói với người mặc áo vải lanh, đang đứng trên mặt nước sông: “Còn bao lâu nữa thì những điều kỳ diệu này mới kết thúc?”

Và tôi nghe người mặc áo vải gai, đứng trên mặt nước của con sông, khi ông giơ tay phải và tay trái lên trời, và thề bởi Đấng hằng sống đời đời rằng điều ấy sẽ là một kỳ, hai kỳ, và nửa kỳ; và khi việc làm tan tác quyền lực của dân thánh đã hoàn tất, thì mọi điều này sẽ chấm dứt.

Tôi nghe, nhưng chẳng hiểu; bấy giờ tôi nói: Thưa chúa tôi, kết cục của những điều này sẽ ra sao?

Và Ngài nói: Hãy đi đi, Đa-ni-ên; vì những lời này đã được đóng lại và niêm phong cho đến thời kỳ cuối cùng. Nhiều người sẽ được thanh tẩy, tẩy trắng và thử luyện; nhưng kẻ ác sẽ cứ làm điều ác; chẳng ai trong những kẻ ác hiểu được; còn người khôn ngoan sẽ hiểu.

Và từ lúc của lễ hằng ngày bị cất đi, và sự ghê tởm gây nên hoang tàn được dựng lên, sẽ có một nghìn hai trăm chín mươi ngày.

Phúc cho người chờ đợi, và đạt đến ngày thứ một nghìn ba trăm ba mươi lăm.

Nhưng người, hãy cứ đi đường mình cho đến kỳ cuối cùng; vì người sẽ được nghỉ ngơi, và sẽ đứng dậy để nhận phần của mình vào cuối các ngày. Đa-ni-ên 10:1-18; 12:4-13.